

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2018/HC-ST

Ngày: 23/10/ 2018

*“V/v yêu cầu hủy quyết định
cưỡng chế”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Anh Văn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1- Bà Vũ Thị Hằng.

2- Bà Đặng Thị Mai.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Liên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên toà: Ông Lê Đình Sang - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bắc Ninh mở phiên toà công khai xét xử sơ thẩm vụ án hành chính thụ lý số: 02/2018/HC-ST ngày 25/01/2018 về việc: “Yêu cầu hủy quyết định cưỡng chế”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2018/QĐXX- HCST ngày 10 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Anh Đỗ Đình H, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Thôn V, xã T, huyện YP, tỉnh Bắc Ninh. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện:

Bà Nguyễn Thị Kim T và ông Phạm Văn H - Luật sư, Văn phòng Luật sư T - Đoàn luật sư thành phố H.

Cùng địa chỉ: Số 5/149 V, quận Đ, thành phố H. Có mặt.

Người bị kiện: Chủ tịch UBND huyện Y.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Duy P - Phó Chủ tịch UBND huyện Y. Văn bản ủy quyền ngày 26/9/2018. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn T - Chủ tịch UBND xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh. Có mặt.

2. Ông Trần Năng N, sinh năm 1960 - Trưởng thôn Y, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh. Có mặt.

3. Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1954;

4. Chị Lê Thị H, sinh năm 1989;
5. Anh Đỗ Đình H sinh năm 1986;
6. Chị Đỗ Thị Thúy H, sinh năm 1980;
7. Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1982;
8. Anh Đỗ Đình H, sinh năm 1975;

Bà Đ, chị H, anh H, chị H, chị L, anh H ủy quyền cho ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1959. Văn bản ủy quyền ngày 17 và ngày 20 tháng 4 năm 2018. Có mặt.

Đều cùng địa chỉ: Địa chỉ: Thôn V, xã T, huyện YP, tỉnh Bắc Ninh.

Người làm chứng:

Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1975. Có mặt.

Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1964. Có mặt.

Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1953. Có mặt.

Cùng địa chỉ: Địa chỉ: Thôn V, xã T, huyện YP, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng phía người khởi kiện anh Đỗ Đình H trình bày:

Anh H khởi kiện Quyết định hành chính số 6506/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của Chủ tịch UBND huyện Y(QĐ 6506). Lý do:

Về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất: Khoảng cuối năm 1987 bố anh H là ông Đỗ Đình C mua thửa đất của hợp tác xã theo tiêu chuẩn của chị gái bố anh H là bà Đỗ Thị N lúc này thửa đất có diện tích là 203m². Năm 1999, bố anh H qua đời. Ngày 11/10/2001 thửa đất của gia đình anh H được UBND huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất(GCNQSDĐ) mang tên mẹ anh H là bà Nguyễn Thị Đ, quá trình sử dụng ổn định không có bất cứ tranh chấp với ai hay tổ chức nào.

Về lối đi vào thửa đất nhà anh H: Ban đầu khi bố anh H nhận chuyển nhượng đất của bà N, gia đình anh H đi lối đi trước của Nghè, tuy nhiên đến khoảng năm 2000 các cụ trong thôn xây dựng mở rộng phần sân của Nghè nên đã bịt mất lối đi duy nhất vào thửa đất nhà anh H khiến gia đình không có lối đi ra đường. Sau khi bị bịt kín lối đi gia đình anh H đã rất nhiều lần làm đơn đề nghị UBND xã T giải quyết tạo điều kiện cho gia đình để có lối đi.

Năm 2008, thôn Y có bán đất ao tại thửa đất số 163, diện tích 995m² cho một số hộ gia đình làm đất ở thôn để làm đất ở và thôn Y có tạo điều kiện cho gia đình anh H tân lập phần lối đi có chiều rộng khoảng 5m, chiều dài khoảng 12m. Khi gia đình tân lập các cụ trong thôn đều biết và không có ý kiến gì. Sau khi tân lập xong cùng năm đó gia đình tiến hành xây nhà và xây dựng lán xưởng gỗ trên phần đất đã tân lập.

Cuối năm 2016, các cụ thượng trong thôn tố cáo gia đình anh H lấn chiếm đất của miếu Nghè. UBND huyện Y đã ban hành Quyết định số 1994/QĐ-

UBND ngày 12/10/2016 thành lập tổ công tác giải quyết đơn của các cụ thượng thôn Y và bản Kết luận số 442/KL ngày 24/4/2017(Kết luận 442) nêu: Nội dung của các cụ là đúng và buộc anh H tháo dỡ công trình lán xưởng trên đất. Không đồng ý với Kết luận 442 anh H có khiếu nại bản kết luận này.

Tháng 7/2017, anh H nhận được Quyết định số 2128/QĐ - UBND ngày 28/6/2017 của UBND huyện Y (Quyết định 2128) với nội dung giữ nguyên các nội dung tại Kết luận số 442 và yêu cầu Chủ tịch UBND xã T xây dựng kế hoạch cưỡng chế tháo dỡ nhà xưởng gia đình anh, anh H đã khiếu nại Quyết định này.

Ngày 23/8/2017 Chủ tịch UBND tỉnh B có văn bản số 2824/UBND-NC giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp UBND huyện Y thẩm tra xác minh nội dung khiếu nại của anh và có ý kiến phần diện tích đất 53m² đất hộ gia đình anh H tự lấn chiếm tân lấp làm lối đi ngoài ranh giới phần diện tích 167m² đất Nghè thôn Y đã được UBND huyện Y cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 17/10/2017 Chủ tịch UBND huyện Y đã ban hành Quyết định số 5126 thu hồi Kết luận 442 và Quyết định 2128.

Ngày 11/11/2017 anh H nhận được Kết luận số 1404/KL-CT của UBND huyện Y. Không đồng ý với kết luận này anh H làm đơn khiếu nại theo quy định của pháp luật.

Ngày 16/11/2017 anh H nhận được Quyết định xử phạt hành chính số 111/QĐ-XPVPHC của UBND xã T.

Ngày 19/12/2017 anh H nhận được Quyết định cưỡng chế số 6506 ngày 18/12/2017 và Thông báo số 28/TB-UBND ngày 19/12/2017 về ngày tổ chức thực hiện quyết định cưỡng chế tháo dỡ lán xưởng thi hành kết luận giải quyết đơn của các cụ thượng và nội dung đơn của gia đình ông Đỗ Đình H.

Anh H không đồng ý Quyết định 6506 vì có nhiều nội dung không đúng với thực tế và không phù hợp quy định pháp luật, cụ thể như sau:

Thứ nhất, anh không lấn chiếm đất Nghè nên việc cưỡng chế buộc anh phải tháo dỡ công trình đã xây dựng lán xưởng trên thửa đất số 179 tờ bản đồ số 17 là hoàn toàn không có căn cứ.

Thứ hai, về thời hạn cưỡng chế trong Quyết định 6506 không thể hiện thời gian thực hiện cưỡng chế. Chỉ khi nhận được Thông báo số 28/UBND xã T ngày 19/12/2017 anh mới biết thời gian cưỡng chế là ngày 22/12/2017. Chỉ cách nhau 4 ngày là vi phạm khoản 3 Điều 5 nghị định 163/2013/NĐ-CP về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính ngày 12/11/2013: “Thời hạn thi hành quyết định cưỡng chế là 15 ngày kể từ ngày nhận được quyết định cưỡng chế trừ trường hợp quyết định cưỡng chế có ghi thời hạn thi hành nhiều hơn 15 ngày thì thực hiện theo thời hạn”.

Thứ ba, ban hành quyết định cưỡng chế thi hành kết luận giải quyết số 1404 trong khi kết luận này đang bị khiếu nại là không đúng với các quy định của pháp luật.

Từ những lý do trên anh H đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh B hủy Quyết định số 6506/QĐ-UBND huyện Y và Thông báo số 28/TB-UBND ngày 19/12/2017 của UBND xã T.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện trình bày:

Không đồng ý Quyết định 6506 vì có nhiều nội dung không đúng với thực tế và không phù hợp quy định pháp luật cụ thể như sau:

Thời hạn cưỡng chế trong Quyết định 6506 không thể hiện thời gian thực hiện cưỡng chế. Chỉ khi nhận được Thông báo số 28/UBND xã Hòa Tiến ngày 19/12/2017 anh H mới biết thời gian cưỡng chế là ngày 22/12/2017, chỉ cách nhau 4 ngày là vi phạm khoản 3 Điều 5 nghị định 163/2013/NĐ-CP về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính ngày 12/11/2013: “Thời hạn thi hành quyết định cưỡng chế là 15 ngày kể từ ngày nhận được quyết định cưỡng chế trừ trường hợp quyết định cưỡng chế có ghi thời hạn thi hành nhiều hơn 15 ngày thì thực hiện theo thời hạn”. Ban hành quyết định cưỡng chế thi hành kết luận giải quyết số 1404 trong khi kết luận này đang bị khiếu nại là không đúng với các quy định của pháp luật.

Từ những căn cứ trên anh Đỗ Đình H đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh hủy Quyết định số 6506/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND huyện Y và Thông báo số 28/TB-UBND ngày 19/12/2017 của UBND xã T.

Quá trình tham gia tố tụng, đại diện theo ủy quyền của UBND huyện Y trình bày:

Về trình tự thủ tục ban hành Kết luận giải quyết đơn của các cụ thượng và nội dung đơn của gia đình anh Đỗ Đình H, thôn Y xã T:

Tóm tắt diễn biến nội dung sự việc: UBND tỉnh B đã công nhận quần thể đình làng thôn Y được xếp hạng di tích văn hoá cấp tỉnh, trong đó có nghề thôn Y nằm tại vị trí giáp ranh đất giữa xóm Trong và xóm Chùa thôn Y. Nghề làng thôn Y đã có từ lâu đời, theo đo đạc bản đồ địa chính chính quy được Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt năm 2002, ngôi nghề làng nằm trên thửa đất số 179, tờ bản đồ 17, diện tích 297,0m² H thực tế qua kiểm tra diện tích chỉ còn 167,0m², diện tích thiếu 137,0m². Phần diện tích thiếu này các cụ cho rằng gia đình anh Đỗ Đình H, người cùng thôn giáp đất nghề lấn chiếm.

Sau khi có kết quả xác minh của Tổ công tác, UBND huyện đã ban hành Kết luận số 442/KL-CT ngày 24/4/2017 với các nội dung: Nội dung đơn tố cáo của các cụ thượng thôn Y tố cáo anh Đỗ Đình H có hành vi lấn chiếm đất nghề thôn Y là đúng sự thật. Giao Chủ tịch UBND xã T thực hiện: Đôn đốc gia đình anh Đỗ Đình H tự giác tháo dỡ công trình lấn xướng nằm trên 53,0m² đất lấn chiếm của nghề (có sơ đồ kèm theo) trả lại đất nghề. Thời gian thực hiện: Xong trước ngày 15/5/2017.

Nếu sau ngày 15/5/2017, gia đình anh H không tự giác tháo dỡ, yêu cầu Chủ tịch UBND xã T xây dựng kế hoạch cưỡng chế để thực hiện theo quy định.

Không đồng ý với Kết luận số 442/KL-CT ngày 24/4/2017 của UBND huyện, gia đình anh Đỗ Đình H đã có đơn khiếu nại.

Căn cứ báo cáo số 22/BC-TNMT ngày 27/6/2017 của Phòng Tài nguyên và Môi trường báo cáo kết quả xác minh đơn khiếu nại của anh Đỗ Đình H, thôn Y, xã T, ngày 28/6/2017, UBND huyện đã ban hành Quyết định số 2128/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của anh Đỗ Đình H, thôn Y, xã T với nội dung: “Giữ nguyên các nội dung tại Kết luận số 442/KL-CT ngày 24/4/2017 của Chủ tịch UBND huyện Y về việc giải quyết đơn của các cụ thượng thôn Y, xã T.”

Không đồng ý với Quyết định số 2128/QĐ-UBND ngày 28/6/2017 của UBND huyện Y, anh Đỗ Đình H đã gửi đơn lên Chủ tịch UBND tỉnh B.

Ngày 23/8/2017, Chủ tịch UBND tỉnh B có văn bản số 2824/UBND-NC giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với UBND huyện Y thẩm tra, xác minh nội dung khiếu nại của anh H.

Qua quá trình thẩm tra đã phát hiện đất nghề thôn Y đã được UBND huyện Y cấp GCNQSD đất theo đợt kê khai tập trung theo dự án do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh B lập. Diện tích đất nghề thôn Y đã được cấp GCNQSD đất là 167,0m².

Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B đã có Báo cáo số 237/BC-STNMT ngày 12/10/2017 với nội dung: “ Có tình tiết mới liên quan đến việc xem xét kết luận tố cáo H quá trình giải quyết đơn của ông H, Chủ tịch UBND huyện Y chưa phát hiện ra tình tiết này”.

Việc Chủ tịch UBND huyện Y giải quyết ban hành Quyết định số 2128/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của anh Đỗ Đình H là không cần thiết.” và đề xuất “Thu hồi Quyết định số 2128/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của anh Đỗ Đình H, thôn Y, xã T” và đề nghị “Tiếp tục xem xét và kết luận liên quan đến việc giải quyết tố cáo mà anh H không nhất trí.”

Ngày 17/10/2017, Chủ tịch UBND huyện Y đã ban hành Quyết định số 5162/QĐ-UBND về việc thu hồi Kết luận giải quyết đơn tố cáo và Quyết định giải quyết khiếu nại của công dân thôn Y, xã T.

Sau khi thẩm tra xác minh lại Nguồn gốc sử dụng đất của gia đình anh Đỗ Đình H và Nguồn gốc sử dụng đất nghề và đo đạc hiện trạng sử dụng đất nghề và gia đình anh Đỗ Đình H sau khi có đơn tố cáo của các cụ thượng, UBND huyện đã ban hành Kết luận số 1404/KL-CT ngày 08/11/2017 về giải quyết đơn của các cụ thượng và nội dung đơn của gia đình anh Đỗ Đình H, thôn Y, xã T.

Hồ sơ ban hành Kết luận giải quyết đơn thư của các cụ thượng và nội dung đơn của gia đình anh Đỗ Đình H, thôn Y, xã T gồm:

Đơn kiến nghị ngày 11/7/2016 của các cụ thượng thôn Y.

Quyết định số 1994/QĐ-UBND ngày 12/10/2016 của Chủ tịch UBND huyện Y về việc thành lập tổ công tác giải quyết đơn của các cụ thượng thôn Y, xã T, huyện Y.

Biên bản làm việc ngày 18/10/2016; Biên bản làm việc ngày 24/10/2016; Biên bản làm việc ngày 21/12/2016; Biên bản làm việc ngày 27/12/2016;

Báo cáo số 154/BC-CA ngày 27/02/2017 của Công an huyện Y về tình hình vụ việc liên quan ANTT thôn Y, xã T.

Biên bản làm việc ngày 02/3/2017.

Báo cáo số 12/BC-TCT ngày 07/4/2017 của Tổ Công tác về kết quả xác minh giải quyết đơn của các cụ thượng thôn Y, xã T.

Biên bản làm việc ngày 18/4/2017 của Phòng Tài nguyên và Môi trường với đại diện UBND xã T, đại diện thôn Y và các đại biểu thôn Y được mời thông qua báo cáo của tổ công tác về kết quả xác minh giải quyết đơn và Dự thảo Kết luận của UBND huyện Y về việc giải quyết đơn của các cụ thượng thôn Y, xã T.

Kết luận số 442/KL-CT ngày 24/4/2017 của UBND huyện Y về việc giải quyết đơn của các cụ thượng thôn Y, xã T

Biên bản đối thoại ngày 02/6/2017 với gia đình anh Đỗ Đình H, thôn Y, xã T.

Biên bản làm việc ngày 20/6/2017 của Phòng Tài nguyên và Môi trường với đại diện UBND xã T, đại diện thôn Y và các đại biểu thôn Y được mời.

Báo cáo số 22/BC-TNMT ngày 27/6/2017 của Phòng Tài nguyên và Môi trường kết quả xác minh đơn khiếu nại của anh Đỗ Đình H, thôn Y, xã T.

Quyết định số 2128/QĐ-UBND ngày 28/6/2017 của Chủ tịch UBND huyện Y về việc giải quyết khiếu nại của anh Đỗ Đình H, thôn Y, xã T.

Biên bản đối thoại ngày 28/9/2017 tại Sở Tài nguyên và Môi trường.

Quyết định số 5162/QĐ-UBND ngày 17/10/2017 của Chủ tịch UBND huyện Y về việc thu hồi Kết luận giải quyết đơn tố cáo và Quyết định giải quyết khiếu nại của công dân thôn Y, xã T.

Kết luận số 1404/KL-CT ngày 08/11/2017 của UBND huyện Y về giải quyết đơn của các cụ thượng và nội dung đơn của gia đình anh Đỗ Đình H.

Tại điểm a Khoản 3 Điều 203 Luật Đất đai 2013 quy định về thẩm quyền giải quyết tranh chấp đất đai nêu rõ: “*Trường hợp tranh chấp giữa hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư với nhau thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện giải quyết*”

Điều 89 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai quy định về thủ tục giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp tỉnh như sau:

“1. Người có đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai nộp đơn tại Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền giao trách nhiệm cơ quan tham mưu giải quyết.

3. Cơ quan tham mưu có nhiệm vụ thẩm tra, xác minh vụ việc, tổ chức hòa giải giữa các bên tranh chấp, tổ chức cuộc họp các ban, ngành có liên quan để tư vấn giải quyết tranh chấp đất đai (nếu cần thiết) và hoàn chỉnh hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp ban hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai. Hồ sơ giải quyết tranh chấp đất đai bao gồm:

a) Đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai;

b) Biên bản hòa giải tại Ủy ban nhân dân cấp xã; biên bản làm việc với các bên tranh chấp và người có liên quan; biên bản kiểm tra hiện trạng đất tranh chấp; biên bản cuộc họp các ban, ngành có liên quan để tư vấn giải quyết tranh chấp đất đai đối với trường hợp hòa giải không thành; biên bản hòa giải trong quá trình giải quyết tranh chấp;

c) Trích lục bản đồ, hồ sơ địa chính qua các thời kỳ liên quan đến diện tích đất tranh chấp và các tài liệu làm chứng cứ, chứng minh trong quá trình giải quyết tranh chấp;

d) Báo cáo đề xuất và dự thảo quyết định giải quyết tranh chấp hoặc dự thảo quyết định công nhận hòa giải thành.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền ban hành quyết định giải quyết tranh chấp hoặc quyết định công nhận hòa giải thành, gửi cho các bên tranh chấp, các tổ chức, cá nhân có quyền và nghĩa vụ liên quan.”

Do đó việc UBND huyện Y ban hành Kết luận giải quyết tranh chấp nêu trên là đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục.

Về thực hiện Kết luận giải quyết đơn của các cụ thượng và nội dung đơn của gia đình anh Đỗ Đình H, thôn Y, xã T:

Việc thu hồi GCN đã cấp cho Nghè thôn Y:

Thực hiện Kết luận số 1404/KL-CT ngày 08/11/2017 về giải quyết đơn của các cụ thượng và nội dung đơn của gia đình anh Đỗ Đình H, thôn Y, xã T, ngày 8/12/2017, Phòng Tài nguyên và Môi trường đã tham mưu UBND huyện Y ban hành Quyết định số 6424/QĐ-UBND về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho thôn Y.

Theo đó Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện Y đã cấp cho thửa đất số 179, tờ bản đồ 17, diện tích 167,0m², chủ sử dụng đất: Thôn Y,

mục đích sử dụng: Đất tín ngưỡng (Nghè làng Yên Vỹ), thời hạn sử dụng: Lâu dài, Số phát hành: BU 473618, số vào sổ cấp GCN: CH000098, ngày 4/6/2017 đã bị thu hồi. Hiện nay, Giấy chứng nhận bị thu hồi nêu trên do Phòng Tài nguyên và Môi trường đang lưu trữ.

Về trình tự, thủ tục cưỡng chế :

Ngày 08/11/2017 UBND huyện Y ban hành Kết luận số 1404/KL-CT về giải quyết đơn của các cụ thượng và nội dung đơn của gia đình anh Đỗ Đình H, thôn Y, xã T. Tại phần 3 của Kết luận, UBND huyện đã giao Chủ tịch UBND xã T thực hiện: *“Đôn đốc gia đình ông Đỗ Đình H tự giác tháo dỡ công trình lán xưởng nằm trên 53,0m² đất lấn chiếm của nghề (có sơ đồ kèm theo) trả lại đất nghề. Thời gian thực hiện: Xong trước ngày 20/11/2017. Nếu sau ngày 20/11/2017, gia đình ông H không tự giác tháo dỡ, yêu cầu Chủ tịch UBND xã T xây dựng kế hoạch cưỡng chế để thực hiện theo quy định.”*

Tuy nhiên gia đình ông H đã không tự giác tháo dỡ nên UBND xã T đã xây dựng kế hoạch cưỡng chế và UBND huyện ban hành Quyết định Cưỡng chế thi hành Kết luận giải quyết đơn thư của các cụ thượng và nội dung đơn của gia đình anh Đỗ Đình H, thôn Y, xã T.

Hồ sơ cưỡng chế thực hiện Kết luận giải quyết tranh chấp bao gồm:

Kế hoạch số 26/KH-UBND ngày 06/12/2017 của UBND xã T tổ chức cưỡng chế xây dựng lán, xưởng sản xuất gỗ, lấn chiếm diện tích đất nghề làng, đất ao đối với hộ anh Đỗ Đình H, thôn Y, xã T.

Tờ trình số 72/TTR-UBND ngày 14/12/2017 của UBND xã T về việc xin hỗ trợ lực lượng, phương tiện thực hiện quyết định cưỡng chế đối với hộ anh Đỗ Đình H, thôn Y, xã T.

Báo cáo số 125/BC-KT ngày 08/12/2017 của Tổ kiểm tra hồ sơ XPHC theo QĐ số 6400/QĐ-UBND ngày 07/12/2017.

Quyết định số 6506/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của Chủ tịch UBND huyện Y về việc “Cưỡng chế thi hành Kết luận giải quyết đơn thư của các cụ thượng và nội dung đơn của gia đình ông Đỗ Đình H, thôn Y, xã T.

Tại khoản 4 Điều 203 Luật Đất đai 2013 về thẩm quyền giải quyết tranh chấp đất đai quy định: *“Người có thẩm quyền giải quyết tranh chấp đất đai tại khoản 3 Điều này phải ra quyết định giải quyết tranh chấp. Quyết định giải quyết tranh chấp có hiệu lực thi hành phải được các bên tranh chấp nghiêm chỉnh chấp hành. Trường hợp các bên không chấp hành sẽ bị cưỡng chế thi hành.”*

Do đó việc UBND huyện Y ban hành Quyết định số 6506/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 về việc Cưỡng chế thi hành Kết luận giải quyết đơn thư của các cụ thượng và nội dung đơn của gia đình ông Đỗ Đình H, thôn Y, xã T Tiến là đúng trình tự thủ tục và đúng thẩm quyền.

Quan điểm của UBND huyện Y:

Việc UBND huyện Yên Phong ban hành Quyết định số 6506/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 về việc Cưỡng chế thi hành Kết luận giải quyết đơn thư của các cụ thượng và nội dung đơn của gia đình anh Đỗ Đình H, thôn Y, xã T Tiến là đúng trình tự, thủ tục và đúng thẩm quyền.

Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh B: Xử bác yêu cầu khởi kiện của anh Đỗ Đình H đối với câu huỷ Quyết định số 6506/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của Chủ tịch UBND huyện Y về việc “Cưỡng chế thi hành Kết luận giải quyết đơn của các cụ thượng và nội dung đơn của gia đình ông Đỗ Đình H, thôn Y, xã T”.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Văn T - Chủ tịch UBND xã T trình bày:

Nghè thôn Y có từ lâu đời trước năm 1945, năm 2004 đã được UBND tỉnh B công nhận làng Y là quần thể di tích lịch sử cấp tỉnh trong đó có cả Nghè làng. Diện tích được thể hiện trên bản đồ cũ là 287m² trên bản đồ địa chính chính quy năm 2002 là 297m², năm 2014 được UBND huyện cấp GCNQSDĐ theo hiện trạng là 167m².

Đất của hộ anh Đỗ Đình H sử dụng được Hợp tác xã chia năm 1987 cho bà Đỗ Thị N diện cô đơn với diện tích 100m².

Theo bản đồ địa chính chính quy năm 2002 thửa đất anh H sử dụng là 203m² tăng 103m² so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp. Phần lỗi đi ra là do gia đình anh H tự ý tân lấp lấn chiếm một phần đất Nghè và một phần đất ao của tập thể.

Qua xem xét hồ sơ lưu trữ cho thấy UBND xã đã thực hiện các bước đúng quy trình theo thẩm quyền thực hiện theo sự chỉ đạo và kết luận của UBND huyện Y.

UBND xã T đồng ý với Quyết định số 6506/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của Chủ tịch UBND huyện Y, đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của anh Đỗ Đình H.

Ông Trần Năng N – Trưởng thôn Y trình bày:

Nguồn gốc thửa đất của anh H là của bà Ngâm cô ruột anh H. Gia đình anh H quản lý sử dụng từ khoảng năm 1990, khi đó có lối đi đằng sau hướng Tây. Khoảng năm 2000, anh H làm nhà, do không đóng góp lối đi nên các hộ xung quanh không cho đi cùng. Sau đó anh H chuyển lối đi trước Nghè. Năm 2014, ông Tọa lúc đó là Trưởng thôn có đi kê khai diện tích Nghè là 167 m² là không chính xác, theo bản đồ địa chính năm 2002 và sổ mục kê thì diện tích Nghè là 297m² mới đúng. Quan điểm của ông là không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của anh H.

Ông Nguyễn Văn L trình bày, ông đồng ý với ý kiến của Luật sư cũng như của người khởi kiện.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Người khởi kiện trình bày:

Về tố tụng: Ngày 10/3/2018 anh H có đơn đề nghị Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời cấm xây dựng trên phần đất tranh chấp có mà các cụ đã xây dựng tường bao, nH Tòa án không có văn bản trả lời về lý do không áp dụng.

Về nội dung vụ án:

Về thẩm quyền ban hành Quyết định số 6506, không thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND huyện Y theo khoản 1 Điều 203 Luật đất đai 2013.

Về hình thức ban hành quyết định 6506, cưỡng chế thi hành kết luận giải quyết đơn tố cáo là không phù hợp.

Về nội dung của quyết định 6506 là thiếu khách quan, không đúng thực tế và trái quy định của pháp luật.

Việc ban hành Kết luận giải quyết tố cáo và Quyết định cưỡng chế thi hành kết luận giải quyết Đơn tố cáo của Chủ tịch UBND huyện Y có động cơ thiếu minh bạch, thiếu khách quan;

Quyết định cưỡng chế tháo dỡ lán xường, thu hồi đất của gia đình anh H giao cho Ban quản lý nghề thôn Y là hành vi trái với quy định của pháp luật.

Từ những cơ sở pháp lý trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đỗ Đình H: Tuyên hủy Quyết định số 6506 ngày 18/12/2017 và Kết Luận 1404 ngày 08/11/2017 của Chủ tịch UBND huyện Y và các quyết định phát sinh từ hai văn bản trên, Quyết định số 111 ngày 14/11/2017 và Thông báo số 28 ngày 19/12/2017 của Chủ tịch UBND xã T. Áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời buộc UBND xã T và Ban quản lý di tích nghề thôn Y phải phá bỏ phần tường đã xây khi thực hiện việc cưỡng chế trái phép, dừng xây dựng trên phần đất đang có tranh chấp.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn T – Chủ tịch UBND xã T và ông Trần Năng N– Trưởng thôn Y trình bày: Thực hiện chỉ đạo của Chủ tịch UBND huyện Y, UBND xã và thôn Y đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đỗ Đình H.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Đã tổ chức phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; đối thoại giữa các đương sự; quyết định đưa vụ án ra xét xử; chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát cùng cấp nghiên cứu đảm bảo thời gian theo quy định của Luật tố tụng hành chính. Thư ký phiên tòa chấp hành đúng và đầy đủ theo quy định tại Điều 41, 167, 169 Luật tố tụng hành chính. Về tuân theo pháp luật của các đương sự tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Quyết định số 6506/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của Chủ tịch UBND huyện Y về thẩm quyền ban hành, trình tự thủ tục cũng như nội dung đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội

đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính bác đơn khởi kiện của anh Đỗ Đình H.

Tòa án đã tiến hành cho các bên đương sự đối thoại, nH người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người bị kiện vẫn giữ nguyên quyết định hành chính bị khởi kiện. Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hành chính để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tổ tụng:

Ngày 22/10/2018, ông Nguyễn Duy P là người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND huyện Y có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 158 Luật tổ tụng hành chính Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Về đối tượng khởi kiện: Quyết định số 6506/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND huyện Y là quyết định hành chính của UBND huyện Y về việc cưỡng chế thi hành kết luận giải quyết đơn của các cụ thượng và nội dung gia đình anh Đỗ Đình H thôn Y, xã T. Căn cứ Điều 3; Điều 30 Luật tổ tụng hành chính, anh H có quyền khởi kiện theo quy định tại Điều 115 Luật tổ tụng hành chính.

Về thời hiệu khởi kiện: Quyết định số 6506/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND huyện Y anh H đã nhận được vào ngày 19/12/2017. Ngày 20/12/2017 anh H có làm đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh, như vậy thời hiệu khởi kiện còn trong thời hạn được quy định tại Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính.

Về thẩm quyền giải quyết: Quyết định hành chính bị kiện là Quyết định số 6506/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND huyện Yên Phong căn cứ Điều 32 Luật tổ tụng hành chính thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân tỉnh B.

[2] Về nội dung:

Xem xét tính hợp pháp của quyết định: Quyết định số 6506/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND huyện Y về việc “Cưỡng chế thi hành kết luận giải quyết đơn của các cụ thượng và nội dung gia đình ông Đỗ Đình H thôn Y, xã T” Hội đồng xét xử thấy rằng:

Về hình thức và thẩm quyền ban hành:

Quyết định số 6506/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND huyện Y về việc “Cưỡng chế thi hành kết luận giải quyết đơn của các cụ thượng và nội dung gia đình ông Đỗ Đình H thôn Y, xã T” Hội đồng xét xử thấy rằng Quyết định số 6506 được ban hành theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật đất đai năm 2013; Luật xử lý vi phạm hành chính 2012; Nghị định số: 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai là đúng thẩm quyền, đúng quy định của pháp luật về hình thức văn bản khi Nhà nước cưỡng chế.

Về trình tự, thủ tục thời hiệu, thời hạn ban hành quyết định:

Nghè làng thôn Y đã có từ lâu đời, theo đo đạc bản đồ địa chính chính quy được Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt năm 2002, ngôi làng nằm trên thửa đất số 179, tờ bản đồ 17, diện tích 297,0m² nH thực tế qua kiểm tra diện tích chỉ còn 167,0m², diện tích thiếu 137,0m². Phần diện tích thiếu này các cụ cho rằng gia đình anh Đỗ Đình H, người cùng thôn giáp đất Nghè lấn chiếm.

Sau khi có kết quả xác minh của Tổ công tác, UBND huyện đã ban hành Kết luận số 442/KL-CT ngày 24/4/2017 với các nội dung:

Nội dung đơn tố cáo của các cụ thượng thôn Y tố cáo anh Đỗ Đình H có hành vi lấn chiếm đất nghề thôn Y là đúng sự thật.

Giao Chủ tịch UBND xã T thực hiện: Đôn đốc gia đình anh Đỗ Đình H tự giác tháo dỡ công trình lấn xướng nằm trên 53,0m² đất lấn chiếm của Nghè (có sơ đồ kèm theo) trả lại đất nghề. Thời gian thực hiện: Xong trước ngày 15/5/2017. Nếu sau ngày 15/5/2017, gia đình anh H không tự giác tháo dỡ, yêu cầu Chủ tịch UBND xã T xây dựng kế hoạch cưỡng chế để thực hiện theo quy định.

Không đồng ý với Kết luận số 442/KL-CT ngày 24/4/2017 của UBND huyện, gia đình anh Đỗ Đình H đã có đơn khiếu nại.

Căn cứ báo cáo số 22/BC-TNMT ngày 27/6/2017 của Phòng Tài nguyên và Môi trường báo cáo kết quả xác minh đơn khiếu nại của anh Đỗ Đình H, ngày 28/6/2017 UBND huyện đã ban hành Quyết định số 2128/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của anh Đỗ Đình H với nội dung: “Giữ nguyên các nội dung tại Kết luận số 442/KL-CT ngày 24/4/2017 của Chủ tịch UBND huyện Y về việc giải quyết đơn của các cụ thượng thôn Y, xã T.”

Không đồng ý với Quyết định số 2128/QĐ-UBND ngày 28/6/2017 của UBND huyện Y, anh Đỗ Đình H đã gửi đơn lên Chủ tịch UBND tỉnh B.

Ngày 23/8/2017, Chủ tịch UBND tỉnh B có văn bản số 2824/UBND-NC giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với UBND huyện Y thẩm tra, xác minh nội dung khiếu nại của anh H.

Qua quá trình thẩm tra đã phát hiện đất nghề thôn Y đã được UBND huyện Y cấp GCNQSD đất theo đợt kê khai tập trung theo dự án do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh Bắc Ninh lập. Diện tích đất nghề thôn Y đã được cấp GCNQSD đất là 167,0m².

Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B đã có Báo cáo số 237/BC-STNMT ngày 12/10/2017 với nội dung: “ Có tình tiết mới liên quan đến việc xem xét kết luận tố cáo nH quá trình giải quyết đơn của ông H, Chủ tịch UBND huyện Y chưa phát hiện ra tình tiết này”.

Việc Chủ tịch UBND huyện Y giải quyết ban hành Quyết định số 2128/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Đỗ Đình H là không cần thiết.” và đề xuất “ Thu hồi Quyết định số 2128/QĐ-UBND về việc giải quyết

khieu nại của ông Đỗ Đình H, thôn Y, xã T” và đề nghị “Tiếp tục xem xét và kết luận liên quan đến việc giải quyết tố cáo mà ông H không nhất trí.”

Ngày 17/10/2017, Chủ tịch UBND huyện Y đã ban hành Quyết định số 5162/QĐ-UBND về việc thu hồi Kết luận giải quyết đơn tố cáo và Quyết định giải quyết khiếu nại của công dân thôn Y, xã T.

Sau khi thẩm tra xác minh lại Nguồn gốc sử dụng đất của gia đình ông Đỗ Đình H và Nguồn gốc sử dụng đất nghề và đo đạc hiện trạng sử dụng đất nghề và gia đình ông Đỗ Đình H sau khi có đơn tố cáo của các cụ thượng, UBND huyện Y đã ban hành Kết luận số 1404/KL-CT ngày 08/11/2017 về giải quyết đơn của các cụ thượng và nội dung đơn của gia đình ông Đỗ Đình H, thôn Y, xã T.

Thực hiện Kết luận số 1404/KL-CT ngày 08/11/2017 về giải quyết đơn của các cụ thượng và nội dung đơn của gia đình ông Đỗ Đình H, ngày 8/12/2017, Phòng Tài nguyên và Môi trường đã tham mưu UBND huyện Y ban hành Quyết định số 6424/QĐ-UBND về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho thôn Y.

Theo đó Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện Y đã cấp cho thửa đất số 179, tờ bản đồ 17, diện tích 167,0m², chủ sử dụng đất: Thôn Y, mục đích sử dụng: Đất tín ngưỡng (Nghè làng Y), thời hạn sử dụng: Lâu dài, Số phát hành: BU 473618, số vào sổ cấp GCN: CH000098, ngày 4/6/2017 đã bị thu hồi.

Ngày 08/11/2017 UBND huyện Y ban hành Kết luận số 1404/KL-CT về giải quyết đơn của các cụ thượng và nội dung đơn của gia đình ông Đỗ Đình H, thôn Y, xã T. Tại phần 3 của Kết luận, UBND huyện đã Giao Chủ tịch UBND xã Hoà Tiến thực hiện: *“Đôn đốc gia đình ông Đỗ Đình H tự giác tháo dỡ công trình lán xưởng nằm trên 53,0m² đất lấn chiếm của nghề (có sơ đồ kèm theo) trả lại đất nghề. Thời gian thực hiện: Xong trước ngày 20/11/2017. Nếu sau ngày 20/11/2017, gia đình ông H không tự giác tháo dỡ, yêu cầu Chủ tịch UBND xã T xây dựng kế hoạch cưỡng chế để thực hiện theo quy định.”*

Tuy nhiên gia đình ông H đã không tự giác tháo dỡ nên UBND xã T đã xây dựng kế hoạch cưỡng chế và UBND huyện ban hành Quyết định Cưỡng chế thi hành Kết luận giải quyết đơn thư của các cụ thượng và nội dung đơn của gia đình ông Đỗ Đình H, thôn Y, xã T.

Hồ sơ cưỡng chế thực hiện Kết luận giải quyết tranh chấp bao gồm:

Kế hoạch số 26/KH-UBND ngày 06/12/2017 của UBND xã T tổ chức cưỡng chế xây dựng lán, xưởng sản xuất gỗ, lấn chiếm diện tích đất nghề làng, đất ao đối với hộ ông Đỗ Đình H.

Tờ trình số 72/TTR-UBND ngày 14/12/2017 của UBND xã T về việc xin hỗ trợ lực lượng, phương tiện thực hiện quyết định cưỡng chế đối với hộ ông Đỗ Đình H, thôn Y, xã T.

Báo cáo số 125/BC-KT ngày 08/12/2017 của Tổ kiểm tra hồ sơ XPHC theo QĐ số 6400/QĐ-UBND ngày 07/12/2017.

Quyết định số 6506/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của Chủ tịch UBND huyện Y về việc “Cưỡng chế thi hành Kết luận giải quyết đơn thư của các cụ thượng và nội dung đơn của gia đình ông Đỗ Đình H.

Như vậy, UBND huyện Y ban hành quyết định Quyết định số 6506/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của Chủ tịch UBND huyện Y về việc “Cưỡng chế thi hành Kết luận giải quyết đơn thư của các cụ thượng và nội dung đơn của gia đình ông Đỗ Đình H, thôn Y, xã T là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 3 và khoản 4 Điều 203 Luật đất đai năm 2013; luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Nghị định số: 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Hội đồng xét xử xét thấy toàn bộ quá trình ban hành quyết định số Quyết định số 6506/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của Chủ tịch UBND huyện Y về việc “Cưỡng chế thi hành Kết luận giải quyết đơn thư của các cụ thượng và nội dung đơn của gia đình ông Đỗ Đình H, thôn Y, xã T” đều đúng trình tự thủ tục, thẩm quyền, thời hạn và căn cứ ban hành.

Xét yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ được thu thập cũng như quá trình thẩm vấn, tranh luận tại phiên tòa sơ thẩm cho thấy Nghè làng thôn Y theo đo đạc bản đồ địa chính chính quy được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B phê duyệt năm 2002, ngôi nghè làng nằm trên thửa đất số 179, tờ bản đồ 17, diện tích 297,0m².

Theo yêu cầu của người khởi kiện, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với thửa đất của Nghè thôn Y và tiến hành đo vẽ hiện trạng sử dụng đất. Kết quả đo vẽ chồng ghép cho thấy theo bản đồ đo thì hiện trạng đất Nghè có xây tường bao quanh là 237m² nằm trong khuôn viên Nghè đo đạc năm 2002 là 297m². Phần ngõ đi hiện tại của gia đình anh H vẫn đảm bảo việc đi lại. Tuy nhiên không xác định chính xác phần diện tích ngõ là bao nhiêu do gia đình anh H không cho đo đạc phần ngõ này. Tại phiên tòa sơ thẩm anh H, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng đều khẳng định năm 2008 gia đình anh H mới tân lập phần đất tiếp giáp với Nghè và ao. Tuy nhiên, theo sổ mục kê và bản đồ địa chính chính quy lập từ năm 2002 thì diện tích Nghè là 297m², trong đó có 53m² gia đình anh H quản lý sử dụng làm lán xưởng và lối đi. Như vậy, anh H cho rằng gia đình anh tân lập 53m² đất theo quyết định cưỡng chế là không có căn cứ. Chủ tịch UBND huyện Y ra quyết định cưỡng chế tháo dỡ công trình đã xây dựng lán xưởng vi phạm trên thửa đất của Nghè thôn Y mà gia đình anh H đang quản lý sử dụng là đúng quy định của pháp luật.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Quyết định số 6506/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 về việc “ Cưỡng chế thi hành Kết luận giải quyết đơn thư của các cụ thượng và nội dung đơn của gia đình ông Đỗ Đình H, thôn Y, xã T” ban hành đúng pháp luật. Vì vậy, không có căn cứ để chấp nhận

các yêu cầu khởi kiện của anh Đỗ Đình H và đề nghị của Luật sư tuyên hủy Quyết định số 6506 ngày 18/12/2017 và các quyết định có liên quan: Kết luận 1404 ngày 08/11/2017 của Chủ tịch UBND huyện Y, Quyết định số 111 ngày 14/11/2017 và Thông báo số 28 ngày 19/12/2017 của Chủ tịch UBND xã T.

Đối với đề nghị Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, ngày 10/3/2018 anh Đỗ Đình H có đơn đề nghị Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời: Dừng xây dựng trên phần đất đang có tranh chấp. Tại thời điểm nhận đơn đề nghị của anh H thì phần tường bao của Nghè tiếp giáp với ngõ đi của gia đình anh H đã được xây dựng xong ngay sau khi cưỡng chế. Vì vậy Tòa án xét thấy không cần thiết phải áp dụng biện pháp trên.

[3] Về chi phí xem xét thẩm định: Theo yêu cầu của anh Đỗ Đình H Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với hiện trạng thửa đất. Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên anh Đỗ Đình H phải chịu toàn bộ chi phí cho việc tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ với số tiền là 5.000.000 đồng, xác nhận anh H đã nộp đủ.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên anh Đỗ Đình H phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 3, 30, 32, 115, 116, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính; Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật đất đai năm 2013; Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai quy định về thủ tục giải quyết tranh chấp đất đai; Nghị định số: 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của anh Đỗ Đình H về việc yêu cầu hủy: Quyết định số 6506/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND huyện Y về việc “ Cưỡng chế thi hành Kết luận giải quyết đơn của các cụ thượng và nội dung đơn của gia đình ông Đỗ Đình H, thôn Y, xã T” và các quyết định có liên quan: Kết luận số 1404/KL-CT ngày 08/11/2017 của Chủ tịch UBND huyện Y “ V/v giải quyết đơn của các cụ thượng và nội dung đơn của gia đình ông Đỗ Đình H thôn Y, xã T”; Quyết định số 111/QQĐ-XPVPHC ngày 14/11/2017 của Chủ tịch UBND xã T về “ Xử phạt vi phạm hành chính” và Thông báo số 28/TB-UBND ngày 19/12/2017 của Chủ tịch UBND xã T “V/v ngày tổ chức thực hiện quyết định cưỡng chế, tháo dỡ lán xường”.

2. Về chi phí xem xét thẩm định: Anh Đỗ Đình H phải chịu 5.000.000đồng (Năm triệu đồng chẵn) tiền xem xét thẩm định, xác nhận anh H đã nộp đủ số tiền trên.

3. Về án phí: Anh Đỗ Đình H phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm. Xác nhận anh H đã nộp đủ tiền án phí hành chính sơ thẩm theo Biên lai

thu tiền tạm ứng án phí số 0004251 ngày 25/01/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh B.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh B;
- Cục THADS tỉnh B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP- THC.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Anh Văn

